TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 01/2022/DS-PT Ngày: 12-01-2022 V/v: Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm; Yêu cầu hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 9 năm 2021 về việc *"Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm; Yêu cầu hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2021/QĐ-PT ngày 03/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐ-PT ngày 11/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐ-PT ngày 30/11/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Tân X, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Thôn L1, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Mang Thị S, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Thôn L2, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Thanh L -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường M, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Thôn L1, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. NLQ2, sinh năm: 1986;

Đại diện hợp pháp của NLQ2: Bà Mang Thị S, sinh năm: 1987 (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021)

3.3. NLQ3, sinh năm 1968;

3.4. NLQ4, sinh năm: 1967;

3.5. NLQ5, sinh năm: 1959;

Cùng địa chỉ: Thôn L2, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bạch Văn N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tăng T – Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P.

4. Người kháng cáo: Bà Mang Thị S là bị đơn trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, riêng đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn ông Mai Tân X trình bày:

Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 13 xã V, diện tích là 3.761m^2 có nguồn gốc là do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1997, quá trình sử dụng vợ chồng ông đã nhiều lần thuê máy ủi san lấp, làm chuồng nuôi dê, bò. Vị trí tứ cận của thửa 71 cụ thể như sau: Đông giáp đất ông Nguyễn Mông; Tây giáp đường đi; Nam giáp đất bà Mang Thị S; Bắc giáp đất bà Mùa, ông Dũng. Năm 2011, ông được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số BE 660461 ngày 14/7/2011 đối với thửa đất này. Thực tế, ranh giới giữa đất của ông và đất của bà S được xác định bằng hàng rào cây xương rồng.

Thời gian gần đây, do thời tiết không thuận lợi nên ông không chăn nuôi gia súc trên phần diện tích thửa 71 mà bỏ trống nhưng hàng năm ông vẫn lên thăm nom và rấp ranh đất. Tháng 6/2019, bà Mang Thị S phá ranh giới giữa đất của ông và đất của bà S, sau đó bà S dùng trụ bêtông và lưới B40 rào lấn sang phần đất của ông, theo biên bản đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P ngày 31/8/2021 bà S đã lấn của ông là 640,5m^2 đất, vì vậy ông khởi kiện bà S yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu bà Mang Thị S phải trả lại cho ông diện tích đất 640,5m^2 mà bà S đã lấn chiếm của ông.

Yêu cầu bà S tháo dỡ toàn bộ trụ bê tông và lưới B40 mà bà S đã rào lấn sang phần đất của ông.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Bà Mang Thị S trình bày:

Thửa đất bà đang sử dụng có một cạnh giáp với đất của ông Mai Tân X có nguồn gốc như sau:

Nguồn gốc thửa đất này là do cha mẹ bà là NLQ3 và NLQ4 khai hoang năm 1998, diện tích khai hoang cụ thể là bao nhiêu thì bà không biết, chỉ biết diện tích đất được xác định bởi hàng ranh bằng cây xương rồng bao quanh, phân định thửa đất này với các thửa đất liền kề. Hiện nay, diện tích đất mà cha mẹ bà khai hoang đã có tên trong sổ sách của xã V hay chưa thì bà cũng không biết. Năm 2010, cha mẹ bà tặng cho vợ chồng bà thửa đất này, việc tặng cho giữa cha mẹ bà và bà không làm giấy tờ gì mà chỉ nói miệng. Năm 2019, bà đã dùng hàng rào trụ bê tông và lưới B40 rào một phần diện tích đất giáp với phần đất của ông X, sở dĩ bà rào phần đất này vì bà cho rằng phần đất này nằm trong phần đất của cha mẹ bà

cho bà, ông X được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất giáp với đất của bà khi nào bà không biết, bà cho rằng phần diện tích đất 640,5m^2 mà ông X đang tranh chấp với bà và đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ cho ông X thực tế là của cha mẹ bà cho bà, không phải là đất của ông X, vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X. Bà có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông X vì thực tế phần đất 640,5m^2 đất tranh chấp này là của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bị đơn và không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày: Bà là vợ của ông Mai Tân X, bà đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông X, bà không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ2 do bà Mang Thị S được ủy quyền trình bày: NLQ2 là chồng của bà Mang Thị S. NLQ2 đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu phản tố của bà S và không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ3 và NLQ4 trình bày:

Bà Mang Thị S là con gái của ông bà, nguồn gốc thửa đất bà Mang Thị S đang sử dụng là do ông bà khai hoang năm 1998, từ khi khai hoang cho đến thời điểm hiện nay ông bà chưa có bất cứ một loại giấy tờ gì về phần diện tích đất này. Diện tích đất khai hoang của ông bà là bao nhiêu, tứ cận cụ thể như thế nào ông bà không biết, ông bà sử dụng đất khai hoang làm chuồng nuôi nhốt bò từ năm 1998 đến năm 2010 thì không sử dụng nữa, năm 2010 ông bà đã cho bà Mang Thị S toàn bộ phần diện tích đất này. Trước yêu cầu khởi kiện của ông X, ông, bà không đồng ý. Đối với phần diện tích đất cho bà Mang Thị S, ông bà đồng ý tiếp tục hợp đồng tặng cho đất cho bà S và không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tặng cho giữa vợ chồng bà và bà S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ5 trình bày: Bà Mang Thị S là cháu ruột của ông, nguồn gốc thửa đất bà S đang sử dụng là do ông và vợ chồng NLQ3, NLQ4 khai hoang chung năm 1998, sau đó ông sử dụng chung với NLQ3, NLQ4 một thời gian thì không sử dụng chung nữa mà để cho NLQ3, NLQ4 canh tác, sử dụng. Năm 2010 NLQ3, NLQ4 tặng cho bà S toàn bộ phần diện tích đất mà ông cùng với NLQ3, NLQ4 khai hoang, ông biết và đồng ý với việc tặng cho này. Trước yêu cầu khởi kiện của ông X đối với bà S, ông không đồng ý vì diện tích đất

ông X tranh chấp với bà S là phần diện tích đất mà ông cùng với NLQ3, NLQ4 khai hoang. Ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích đất ông khai hoang chung với NLQ3, NLQ4, ông đồng ý với việc NLQ3, NLQ4 tặng cho bà S phần diện tích đất này và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

UBND huyện P cấp giấy chứng nhận thửa 71, tờ bản đồ số 13 xã V cho ông Mai Tân X là đúng theo quy định của pháp luật, thửa đất 71 do ông X khai hoang, có canh tác, có ranh rào riêng biệt, vì vậy UBND huyện P không đồng ý với yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bà Mang Thị S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 579 và Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 6 Điều 50; Điều 52; Điều 123 Luật đất đai ngày 26-11-2003; Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Khoản 1, 2 Điều 11, 12, 14 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 100, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013.

Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 và khoản 5 Điều 26; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp *"Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"*, đồng thời tháo dỡ trụ bê tông và lưới B40 của nguyên đơn ông Mai

Tân X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 đối với bị đơn bà Mang Thị S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2.

2. Buộc bà Mang Thị S, NLQ2 phải trả cho ông Mai Tân X, NLQ1 phần đất lấn chiếm diện tích **640,5m^2**, có vị trí các điểm (10, 26, 27, 28) và (28, 29, 30, 31 32, 33, 12, 11), tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất 71; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa đất 71a; Bắc giáp thửa đất 71 thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ địa chính số 13, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận nằm trong diện tích 3.761m^2 đất của ông Mai Tân X; đồng thời tháo dỡ trụ bê tông và lưới B40 trả lại đất cho ông Mai Tân X, NLQ1.

(Có trích lục kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Mang Thị S đối với thửa đất 71, tờ bản đồ địa chính số 13 xã V do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14-7-2011 cho ông Mai Tân X.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/6/2021, bị đơn bà Mang Thị S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Tân X và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà về việc hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông X đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 13 xã V.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tranh luận: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, việc ông X được cấp giấy chứng nhận thửa 71, tờ bản đồ số 13 xã V là không đúng theo quy định của pháp luật, vì thực tế hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông X không có bà S là hộ liền kề ký giáp ranh, trong hồ sơ cũng không có sơ họa thửa đất tại thời điểm đo đạc, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mang Thị S, áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án *"Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm; Yêu cầu hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là có căn cứ pháp luật.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định NLQ3, NLQ5, NLQ4 tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án là chưa chính xác, bởi: Nguồn gốc đất bà S đang sử dụng và ông X đang tanh chấp với bà Sinh đều được bà S, NLQ3, NLQ4, NLQ5 cũng như Ủy ban nhân dân xã V xác nhận là do NLQ3, NLQ4, NLQ5 cùng khai hoang, sử dụng và tặng cho bà S, vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các ông/bà NLQ3, NLQ4, NLQ5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, những đương sự này không có ý kiến gì về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của họ và đồng ý với cách xác định của Hội đồng xét xử, do đó sai sót của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục.

[3.2] Đối với bà Mang Thị B, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà B là người làm chứng cũng không chính xác, bởi: Tại hồ sơ thể hiện bà B có yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông X thửa 71, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải thực hiện thủ tục tố tụng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ kiện và giải quyết trong cùng một vụ kiện thì mới

giải quyết triệt để vụ án. Do Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu của bà B về việc hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông Mai Tân X trong vụ kiện này, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm giành cho bà B quyền khởi kiện thành một vụ kiện riêng đối với ông X về thửa 71 khi có yêu cầu.

Ngoài ra, tại mục [2.4] bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện P đã ghi *"xét yêu cầu của những người làm chứng"* là không chính xác, bởi lẽ: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không quy định người làm chứng có quyền yêu cầu giải quyết về nội dung vụ án trong vụ kiện.

[4] Xét kháng cáo của bà Mang Thị S có nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Tân X và hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông Mai Tân X đối với thửa đất số 71 tờ bản đồ số 13 xã V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Xét kháng cáo của bà Mang Thị S về việc cho rằng phần diện tích đất đang tranh chấp 640,5m^2 là của bà, nhận thấy:

Bà Mang Thị S cho rằng phần diện tích đất tranh chấp giữa ông X và bà là 640,5m^2 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 31-5-2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh P là của bà, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà S không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào chứng minh phần diện tích 640,5m^2 này nằm trong phần đất cha mẹ bà khai hoang năm 1998 và đã tặng cho bà, bản thân NLQ4, NLQ3, NLQ5 là cha, mẹ và chú của bà S khai nhận diện tích bà S đang sử dụng là do các ông, bà khai hoang nhưng diện tích cụ thể là bao nhiêu mét vuông, ranh giới như thế nào các ông, bà không biết và không xác định được; hơn nữa, tại văn bản số 06/UBND của UBND xã V thể hiện: Phần diện tích đất bà Mang Thị S sử dụng trước do cha mẹ bà S khai hoang năm 1998 sau đó bỏ hoang cách đây khoảng 12-13 năm và đến năm 2016 mới canh tác lại, như vậy thực tế phần đất bà S đang sử dụng được bà S sử dụng lại vào năm 2016, trong khi thửa 71 của ông X đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2011, trước thời điểm bà S tái sử dụng đất liền kề như hiện nay, vì vậy kháng cáo của bà S cho rằng 640,5m^2 đất đang tranh chấp giữa ông X và bà thực tế là của bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Xét kháng cáo yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông Mai Tân X đối với thửa số 71, tờ bản đồ số 13 xã V, nhận thấy:

Như đã phân tích ở mục [4.1] không có căn cứ để chấp nhận 640,5m^2 đất thuộc một phần thửa 71, tờ bản đồ số 13 xã V là của bà Mang Thị S, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mang Thị S về việc hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho ông X đối với thửa 71 tờ bản đồ số 13 xã V.

Hiện nay, trên phần đất tranh chấp còn có 35,3m hàng rào lưới B40, vì vậy buộc bà S phải tháo dỡ hàng rào này.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà S, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà S không được chấp nhận nên bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà S thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn nên bà S được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 20/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ các điều 105, 165, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Tân X đối với bà Mang Thị S về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm.

Buộc bà Mang Thị S, NLQ2 phải trả lại cho ông Mai Tân X và NLQ1 640,5m^2 đất thuộc một phần số 71, tờ bản đồ địa chính số 13, xã V, huyện P, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 640,5m^2 đất được xác định theo các điểm 10, 26, 27, 28 , 29, 30, 31 32, 33, 12, 11 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 31/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Ninh Phước.

Buộc bà Mang Thị S, NLQ2 phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 dài 35,3m trên phần diện tích đất 640,5m^2 đất đã lấn chiếm của ông Mai Tân X.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Mang Thị S về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 71, tờ bản đồ địa chính số 13 xã V do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14/7/2011 cho ông Mai Tân X.

4. Bà Mang Thị B được quyền khởi kiện thành một vụ kiện riêng khi có yêu cầu đối với việc tranh chấp thửa đất số 71, tờ bản đồ số 13 xã V với ông Mai Tân X.

5. Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và chi phí trích lục thửa đất nguyên đơn tự nguyện chịu và nộp đủ.

6. Về án phí:

Ông Mai Tân X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Mang Thị S.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2022).

Nơi nhận:
- Đương sự (7);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện P(1);
- Chi cục THADS huyện P (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Dịu